

Số: **2099 /LĐTBXH-KHTC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2012

V/v: Xây dựng dự toán thu, chi
Ngân sách nhà nước năm 2013

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 18/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015; Thông tư số 99/2012/TT-BTC ngày 19/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2013, Bộ hướng dẫn xây dựng dự toán thu - chi NSNN năm 2013 như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi các nguồn kinh phí 6 tháng đầu năm và biện pháp điều hành thực hiện 6 tháng cuối năm và ước thực hiện cả năm 2012:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm:

Trên cơ sở dự toán thu, chi các nguồn kinh phí được giao, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2012 theo từng nhiệm vụ được giao: Chi thường xuyên, chi cho đối tượng, chi nghiên cứu khoa học, chi mua sắm, sửa chữa tài sản, chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ... (Đơn vị có sử dụng nguồn kinh phí nào phải đánh giá đầy đủ, toàn diện các nguồn kinh phí: nêu rõ những kết quả, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân)

1.2. Biện pháp cụ thể để thực hiện dự toán thu, chi các nguồn kinh phí trong những tháng còn lại của năm 2012, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Đối với các đơn vị được giao dự toán thu cần có biện pháp cụ thể để phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu được giao; trong trường hợp khó khăn, không thực hiện được phải báo phân tích rõ nguyên nhân để tổng hợp đề nghị điều chỉnh dự toán giao thu ngân sách.

- Đánh giá việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư XDCB cho các dự án, công trình trong năm 2012 theo nguyên tắc quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: vốn từ nguồn NSNN (vốn trong nước - vốn ngoài nước); Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2012 bao gồm giá trị khối lượng thực hiện đến hết Quý II/2012, vốn thanh toán đến hết Quý II/2012 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2012; kèm theo biểu phụ lục chi tiết từng dự án, có số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết kế hoạch năm 2011, kế hoạch vốn năm 2012.

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chi các chương trình, dự án trong nước và quốc tế, chi cho công việc sửa chữa, mua sắm tài sản, nghiên cứu khoa học... cần sớm hoàn tất thủ tục đầy nhanh tiến độ giải ngân.

- Các nhiệm vụ chi xét thấy không thể hoàn thành kiên quyết điều chỉnh để tăng cường cho các nhiệm vụ khác của đơn vị không để kinh phí tồn đọng chuyển năm sau.

- Đánh giá những kết quả, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu năm 2012; tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 đối với các đơn vị quản lý nhà nước; Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 115/2005/NĐ-CP, 96/2010/NĐ-CP và quyết định số 1926/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với các đơn vị nghiên cứu khoa học; và Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.

- Báo cáo tình hình triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính theo Đề án 30 trong quản lý ngân sách nhà nước năm 2011, nêu rõ tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Báo cáo đánh giá kết quả xét duyệt biên chế, quỹ lương và thực hiện điều chỉnh lương tối theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát chi tiêu các nguồn kinh phí trong những tháng còn lại đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện tốt công tác quyết toán quý để tránh tình trạng dồn ép quyết toán năm. Đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành và đánh giá tình hình thực hiện theo quý, năm.

1.3. Đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

- Các đơn vị chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (sau đây gọi chung là Chương trình, đề án) chủ trì phối hợp với các cơ quan và địa phương chú ý đánh giá, phân tích kỹ: (i) Hoàn thiện báo cáo đánh giá hiệu quả các Chương trình, đề án năm 2011; (ii) Đánh giá tình hình phân bổ, giao và thực hiện dự toán chi các Chương trình, đề án năm 2012. Trên cơ sở dự toán kinh phí đã được phân bổ và dự kiến tiến độ thực hiện để đề xuất danh mục, mục tiêu, nội dung các chương trình, đề án năm 2013; xây dựng phạm vi, nội dung, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, quy trình thẩm định, cơ chế quản lý, theo dõi, đánh giá các Chương trình, đề án đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định làm cơ sở triển khai thực hiện từ năm 2012.

- Đối với các Chương trình, đề án thực hiện bằng cả nguồn vốn ngoài nước, đánh giá kỹ về tình hình giải ngân nguồn vốn ngoài nước.

09533751

- Các đơn vị chủ trì quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đánh giá cả khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác.

1.4. Đối với các nhiệm vụ chi lớn của ngành:

+ Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu trong năm 2012 thực hiện các nhiệm vụ của Bộ; trong đó, chú ý đánh giá kỹ kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách sau: Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trong đó tập trung đánh giá việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP; Nghị định số 06/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi; chính sách hỗ trợ người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế theo lộ trình của Luật Bảo hiểm y tế; chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 theo Nghị định 23/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; tình hình triển khai Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng đang ở nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng đặc biệt khó khăn như: chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; chính sách bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng chống, khắc phục thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân,...

+ Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường đối với ngành, lĩnh vực mình quản lý; Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường. Trong đó chú ý đánh giá, phân tích về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực, kết quả thực hiện huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển ngành, lĩnh vực; những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới để huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển ngành, lĩnh vực.

1.5. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương:

- Báo cáo kết quả xét duyệt về biên chế, quỹ lương, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo mức tiền lương tối thiểu 1.050.000 đồng/người/tháng, phụ cấp công vụ 25% từ 01/5/2012.

- Đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp tài chính tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*không kể tiền lương, các khoản có tính chất lương và chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương*); từ 35-40% nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; từ các nguồn năm trước theo quy định chưa sử dụng hết (sau khi đã bố trí đảm bảo đủ nguồn để thực hiện mức tiền lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng, phụ cấp công vụ 25% trong năm 2012) chuyển sang năm 2013 (nếu có) để tiếp tục tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Xác định nhu cầu, nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực; số bổ sung từ NSNN để thực hiện điều chỉnh tiền lương tối thiểu, phụ cấp công vụ, phụ cấp thâm niên giáo dục, phụ cấp ưu đãi và phụ cấp đặc thù ngành y tế... cho năm 2012.

2. Dự toán thu, chi các nguồn kinh phí 2013:

2.1. Yêu cầu, nhiệm vụ dự toán năm 2013:

Dự toán chi NSNN được xây dựng trên cơ sở hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2011 đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định; các quy định của pháp luật về chính sách, chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của đất nước dự kiến thực hiện năm 2013.

Các đơn vị chủ động xác định nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện năm 2013, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và lập dự toán chi ngân sách nhà nước đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu dự toán, trong đó cần chủ động sắp xếp thứ tự theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2013, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn lực ngân sách nhà nước được phân bổ. Trong đó:

a. Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2013:

Rà soát, sắp xếp bố trí vốn cho các dự án, công trình tập trung, đúng mục tiêu, đảm bảo thời gian hoàn thành dự án theo quy định. Trong đó:

+ Tập trung bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao, đưa vào sử dụng trong năm 2012 nhưng chưa bố trí đủ vốn. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách dự kiến cần phải hoàn thành năm 2013 (*theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2013*) và vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án;

+ Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; chỉ bố trí vốn cho dự án mới thật sự cấp thiết và đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định; việc bố trí vốn phải đảm bảo dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

Thực hiện giám sát các chương trình, dự án ngay từ khâu hoạch định, thẩm định, duyệt, chuẩn bị và thực hiện; các chương trình, dự án đã và đang triển khai phải giám sát chặt chẽ từng khâu, từng công đoạn, không làm tăng quy mô và chi phí; các công trình, dự án đã đủ thủ tục theo quy định nhưng chưa có đảm bảo đầy đủ cam kết về nguồn tài chính cũng không triển khai đưa vào kế hoạch.

b. Dự toán chi thường xuyên năm 2013:

- Dự toán năm 2013 được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2012, dự kiến nhiệm vụ năm 2013 (*làm rõ các khoản chi chi phát sinh năm 2012, không phát sinh năm 2013, các khoản phát sinh tăng chi năm 2013 theo chế độ, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt*) và chế độ tiêu chuẩn định mức chi tiêu theo quy định hiện hành. Dự toán cần sắp xếp thứ tự ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trong từng lĩnh vực.

- Xây dựng dự toán theo hướng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp đã đề ra năm 2012; rà soát, sắp xếp lại các khoản chi ngân sách (*kể cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn trong nước và nguồn vốn ngoài nước*) để triệt để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi ngân sách, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Phải thể hiện đầy đủ dự toán thu, chi tất cả các nguồn kinh phí: Ngân sách cấp; khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, các khoản thu viện trợ nước ngoài và các khoản thu khác đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi xây dựng dự toán.

- Dự toán chi ngân sách phải tính toán đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ thường xuyên đã được giao, đồng thời tính toán, dự trù đầy đủ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh. Đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình lập dự toán, thực hiện lập dự toán theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Các đơn vị chịu trách nhiệm tự đảm bảo kinh phí thực hiện đối với các chính sách, chế độ, nhiệm vụ bị bỏ sót trong khi xây dựng dự toán.

- Đảm bảo nhiệm vụ chi cho các hoạt động của đơn vị trên tinh thần tính đúng, đủ, tiết kiệm, hiệu quả, công khai trong quản lý thu, chi các nguồn kinh phí.

- Đối với một số nhiệm vụ chi đặc thù:

+ Dự toán để thực hiện Đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính theo quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007;

+ Dự toán kinh phí thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008-2012 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 kéo dài.

+ Dự toán chi thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê theo quy định tại Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BTTTT ngày 15/02/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

+ Dự toán kinh phí thực hiện các cam kết quốc tế và hợp tác ASEAN.

+ Và các nhiệm vụ chi đặc thù khác (nếu có)

Đơn vị thuyết minh chi tiết cơ sở, căn cứ lập dự toán theo từng nhiệm vụ chi trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện 2012 và các nội dung phát sinh mới năm 2013 hoặc năm 2012 có mà năm 2013 không còn thực hiện.

- Đối với các đơn vị quản lý hành chính: Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2011 đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010; dự toán đầy đủ những nội dung chi đặc thù; các nhiệm vụ chi không thường xuyên; dự toán quản lý các chương trình, dự án, đề án do đơn vị chủ trì; các hoạt động của cơ quan Đảng, công đoàn, tự vệ, an ninh, quốc phòng... Trong đó thuyết minh cụ thể cho các nội dung sau:

+ Số biên chế được duyệt đến thời điểm lập dự toán, trong đó số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt, (nếu có); số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn tại các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp theo lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm:

(i) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

(ii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn).

(iii) Quỹ tiền lương, phụ cấp của số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, được xác định tương tự như đối với số biên chế được duyệt, thực có mặt tại thời điểm lập dự toán.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp:

+ Các đơn vị sự nghiệp khoa học thực hiện theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Quyết định số 1926/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư số 12/2006/TTLT-BKH-CN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn khác. Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải trên cơ sở quyết định phê duyệt của cấp có

thẩm quyền về danh mục, dự toán kinh phí, thuyết minh nội dung. Kinh phí hoạt động thường xuyên phải nêu rõ các nội dung có sự tăng, giảm so với dự toán 2012 cùng nguyên nhân và cơ sở tính toán kèm theo.

+ Các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006, số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP. Riêng các đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo: Thuyết minh rõ cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách phụ cấp thâm niên ngành giáo dục, chi thực hiện cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP.

c. Dự toán chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA:

Thực hiện lập dự toán đầy đủ theo đúng trình tự, biểu mẫu lập và quyết định NSNN theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, các Nghị định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, về quản lý vay và trả nợ nước ngoài, trong đó chú ý quy trình giải ngân trong các văn kiện chương trình/dự án và hiệp định tài trợ đã ký kết, lập chi tiết vốn ODA và vốn đối ứng theo từng chương trình, dự án, theo tính chất nguồn vốn chi đầu tư XDCB và chi sự nghiệp, đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện.

d. Dự toán thu, chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ (học phí, viện phí, phí, lệ phí khác, các khoản huy động đóng góp khác): Các đơn vị căn cứ số thực tế thực hiện thu năm 2011, ước thực hiện thu năm 2012, dự kiến điều chỉnh các mức thu (trong đó: thu học phí thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ, thu viện phí thực hiện theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính) và những yếu tố dự kiến tác động đến thu năm 2013 để xây dựng dự toán thu, chi phù hợp, mang tính tích cực. Các khoản thu sự nghiệp mang tính chất giá dịch vụ kinh doanh của cơ quan, đơn vị, không thuộc nguồn thu NSNN, đề nghị lập dự toán riêng, không đưa chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN.

e. Dự toán nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2013:

Tiếp tục bố trí dự toán ngân sách và huy động các nguồn tài chính thực hiện cải cách tiền lương: các đơn vị cần chủ động tính toán tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2013, nguồn thu được để lại năm 2013 đối với các đơn vị; đồng thời chuyển các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có) sang năm 2013 để thực hiện; toàn bộ nguồn kinh phí này phải được hạch toán, quản lý riêng để tạo nguồn tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, không sử dụng nguồn kinh phí này cho các mục đích khác.

f. Dự toán chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, dự án, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung các Chương trình, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc đang trình các cơ quan thẩm quyền phê duyệt, đơn

vị chủ quản chương trình, dự án xác định các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể năm 2013 để xây dựng dự toán cho phù hợp cho cả Chương trình và phần chi tại Bộ.

2.2. Thuyết minh - mẫu biểu lập dự toán:

a/ Thuyết minh lập dự toán:

- Đối với các khoản chi thường xuyên:

+ Các khoản chi cho hoạt động hành chính, sự nghiệp của các đơn vị được dự toán trên cơ sở chế độ, chính sách và định mức chi quản lý nhà nước, sự nghiệp hiện hành (theo mức được giao năm 2012). Đối với các nhiệm vụ tăng hoặc giảm so với năm 2012 lập dự toán tăng hoặc giảm tương ứng, những nhiệm vụ đặc thù của từng đơn vị cần có thuyết minh cụ thể.

+ Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác (sự nghiệp nuôi dưỡng người có công, sự nghiệp trẻ em, bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội,...) căn cứ vào kế hoạch và nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện 2012 để lập dự toán chi tiết triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị (ngoài chi thường xuyên).

- Đối với các khoản chi không thường xuyên:

+ Các khoản chi cho đầu tư xây dựng, chương trình, đề án, dự án trong nước và quốc tế... ngoài việc lập dự toán theo yêu cầu cần khẩn trương hoàn tất các thủ tục (dự án, thiết kế, dự toán...) theo quy định để đảm bảo điều kiện ghi kế hoạch và dự toán kinh phí.

+ Các khoản chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản, chi cho công việc (Hội nghị, điều tra, nghiên cứu...) bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cần có thuyết minh, tính toán chi tiết kèm theo.

b/ Báo biểu lập dự toán

Tuỳ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của đơn vị, dự toán thu chi NSNN của đơn vị lập theo hệ thống biểu mẫu kèm theo công văn này.

3. Những đề xuất, kiến nghị của đơn vị.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2012, tình hình thực hiện chính sách chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác có liên quan áp dụng trong giai đoạn 2006-2010 và năm 2011, năm 2012; kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán; các đơn vị nghiên cứu đề xuất cụ thể việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ thu, chi NSNN và các chính sách, chế độ khác; kiến nghị công tác hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ NSNN để tổng hợp đề nghị Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất bổ sung, sửa đổi chính sách chế độ, định mức không còn phù hợp (dự kiến kinh phí tăng thêm nếu sửa đổi bổ sung):

+ Chế độ, chính sách cho đối tượng, cho cán bộ, công chức, viên chức;

+ Định mức dự toán, định mức chi tiêu;

+ Quy trình, phân cấp xét duyệt các khâu: dự toán, quyết toán, mua sắm tài sản.


- Đề xuất, kiến nghị khác.

4. Tiến độ lập dự toán:

- Các đơn vị dự toán cấp II và cấp III trực thuộc Bộ gửi Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 12/07/2012 đồng thời gửi thư theo địa chỉ mail: phongKH@molisa.gov.vn. (Báo cáo về kế hoạch và dự toán kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính đồng thời gửi 01 bản về Trung tâm Thông tin để tổng hợp chung).

- Các đơn vị dự toán cấp II chủ động triển khai lập dự toán đối với các đơn vị cấp III trực thuộc để đảm bảo yêu cầu và thời gian nêu trên.

Do khối lượng công việc lớn, thời gian gấp, vì vậy đề nghị Thủ trưởng đơn vị tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2013 đảm bảo yêu cầu, nội dung và tiến độ quy định. Các đơn vị không lập dự toán hoặc gửi dự toán không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu, Bộ chỉ đảm bảo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 tối đa bằng dự toán ngân sách 2012.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đơn vị phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.38.269.544) để được hướng dẫn thêm. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Châu Quang Cường

09533751

MẪU BIỂU XÂY DỰNG DỰ TOÁN NĂM 2013 CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 99/2012	Ngày nhận DT
I	Quản lý nhà nước			
1	Văn phòng Bộ LĐTBXH	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B5, B11	
2	Văn phòng Bộ tại Tp.HCM	PL2-B2, B20	B11	
3	Tổng cục Dạy nghề	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B12b, B13, B16, B20	B2, B5, B11	
4	Cục Người có công	PL2-B2, B5, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B11	
5	Cục Phòng, chống TNXH	PL2- B6, B7, B10, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B5, B11	
6	Cục Quản lý LĐNN	PL2-B2, B4, B5, B6, B7, B8, B11, B12, B13, B20	B2, B5, B11	
7	Cục An toàn Lao động	PL2-B2, B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B12b, B13, B20	B2, B5, B11	
8	Cục Bảo trợ xã hội	PL2- B2, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B5, B11	
9	Cục Việc làm	PL2- B2, B5, B6, B7, B8, B10, B11, B12, B12b, B13, B20	B2, B5, B11	
10	Cục Bảo vệ, chăm sóc Trẻ em	PL2- B2, B5, B6, B7, B8, B12, B12b, B13, B15, B20	B2, B5, B11	
11	Thanh tra Bộ	PL2- B5, B6, B7, B8, B12, B13, B15, B20	B2, B11	
II	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			
12	Bệnh viện CH-PHCN Đà Nẵng	PL2- B5, B7, B15	B11	
13	Bệnh viện CH-PHCN Quy Nhơn	PL2- B5, B7, B15	B11	
14	Bệnh viện CH-PHCN TP HCM	PL2- B5, B7, B15	B11	
15	Trung tâm CH-PHCN Tp.HCM	PL2- B5, B7, B15	B11	
16	Trung tâm CH-PHCN Cần Thơ	PL2- B5, B7, B15	B11	
17	Trung tâm Kỹ thuật CH	PL2- B5, B7, B15	B11	
18	TT ĐD - PHCN Tâm thần Việt Trì	PL2- B5, B7, B15	B11	
19	Trung tâm PHCN trẻ TT Thụy An	PL2- B5, B7, B15	B11	
20	Viện CH&PHCN	PL2- B5, B7, B15	B11	
21	Quỹ Bảo trợ Trẻ em VN	PL2- B5, B7, B15	B11	
22	Trung tâm rà phá bom mìn	PL2- B7, B15	B11	
23	TT tư vấn và dịch vụ truyền thông	PL2- B5, B7, B15	B11	
24	Trung tâm ĐDTB Lạng Giang	PL2- B7, B15	B11	
25	Trung tâm ĐDTB Thuận Thành	PL2- B7, B15	B11	
26	Trung tâm ĐDTB Duy Tiên	PL2- B7, B15	B11	

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 99/2012	Ngày nhận DT
27	Trung tâm ĐDTB Kim Bảng	PL2- B7, B15	B11	
28	Trung tâm PHSK NCC Sầm Sơn	PL2- B5, B7, B15	B11	
29	Trung tâm ĐDTB-NCC Long Đất	PL2- B7, B15	B11	
30	Làng trẻ em SOS	PL2- B7, B15	B11	
31	Trung tâm Bảo trợ xã hội trẻ em thiệt	PL2- B7, B15	B11	
32	Trung tâm PHCN và trợ giúp trẻ tàn t	PL2- B7, B15	B11	
33	Nhà khách Người có công	PL2- B5, B15	B11	
34	Nhà khách Văn phòng Bộ	PL2- B5, B15	B11	
III	Sự nghiệp khoa học			
35	Viện KHLĐ&XH	PL2- B6, B7, B12, B13	B11	
36	Viện KH Dạy nghề (TCDN)	PL2- B6, B7, B12, B13	B11	
IV	Sự nghiệp giáo dục đào tạo			
37	Trường Đại học LDXH		B11	
	<i>1. Cơ sở Hà nội</i>	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
	<i>2. Cơ sở Sơn Tây</i>	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
	<i>3. Cơ sở Tp.HCM</i>	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
38	Trường Đại học SPKT Nam Định	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
39	Trường Đại học SPKT Vinh	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
40	Trường CĐ SPKT Vĩnh Long	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
41	Trường CĐ nghề KTCN	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
42	Trường CĐ nghề KTCN Tp.HCM	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
43	Trường TC nghề Dung Quất	PL2- B5, B6, B7, B11, B13, B16	B11	
44	Ban QL các dự án Dạy nghề	PL2- B6, B7, B11, B16	B11	
V	Sự nghiệp văn hoá TT		B11	
45	Tạp chí Lao động - Xã hội	PL2-B5, B18	B11	
46	Tạp chí Gia đình - Trẻ em	PL2-B5, B18	B11	
47	Nhà xuất bản LDXH	PL2-B18	B11	
48	Báo LĐ-XH	PL2-B5, B18	B11	
VI	Sự nghiệp kinh tế		B11	
49	Trung tâm Lao động ngoài nước	PL2-B5	B11	
50	Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước	PL2 - B4b	B11	
51	Trung tâm Thông tin	PL2-B5, B12	B11	
52	TT quốc gia dự báo Thị trường LĐ	PL2-B5, B12	B11	
53	TT phát triển quan hệ lao động	PL2-B5, B12	B11	
54	Trung tâm KĐKTAT khu vực I	PL2-B5	B11	
55	Trung tâm KĐKTAT khu vực II	PL2-B5	B11	
56	Trung tâm KĐKTAT khu vực III	PL2-B5	B11	

STT	Tên đơn vị	Mẫu biểu Dự toán bắt buộc		
		Theo TT 59/2003	TT 99/2012	Ngày nhận DT
VII	Các Vụ thuộc Văn phòng và Phòng thuộc Vụ:			
1	Phòng TCKT	Các Biểu dự toán theo phân công tại cuộc họp sáng ngày 25/6/2012		
2	Phòng XDCCB			
2	Vụ Pháp chế	Các đơn vị lập dự toán của đơn vị mình, gửi Văn Phòng Bộ tổng hợp chung, đồng thời gửi 1 bản cho Vụ KHTC		
3	Vụ Bình Đẳng Giới			
4	Vụ Hợp tác quốc tế			
5	Vụ BHXH			
6	Vụ TCCB			
7	Vụ LĐTL			

Ghi chú:

Ngoài các Biểu bắt buộc ở trên, các đơn vị chủ động lập thêm các Biểu dự toán phù hợp với tính chất nguồn đối với các nội dung chi của đơn vị đề xuất./.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2012 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán 2011	Năm 2012		Dự toán 2013
			Dự toán	Ước TH	
A	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>				
1	Số thu phí, lệ phí				
	- Học phí				
	- Viện phí				
	- Phí kiểm định KTAT				
	- Phí thẩm định hồ sơ XKLD, lệ phí cấp phép				
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại				
	- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi sự nghiệp y tế				
	- Chi kiểm định KTAT				
	- Chi thẩm định hồ sơ XKLD, cấp phép				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>				
I	Chi đầu tư phát triển				
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học, công nghệ				
1	Chi đầu tư XDCB				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ quy định				
3	Chi dự trữ nhà nước				
4	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên				
1	Chi quốc phòng, an ninh, đặc biệt				
2	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
3	Chi sự nghiệp y tế và đảm bảo xã hội				
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ				
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình				
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
8	Chi sự nghiệp kinh tế				
9	Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường				
10	Chi quản lý hành chính				
11	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách				
12	Chi khác				

09533751

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán 2011	Năm 2012		Dự toán 2013
			Dự toán	Ước TH	
III	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				
1	Chương trình Giảm nghèo				
	- Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo				
	- Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã an toàn khu, các thôn ĐBKK				
	- Nhân rộng mô hình giảm nghèo				
	- Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá				
2	Chương trình Việc làm - Dạy nghề				
	- Đổi mới và phát triển dạy nghề				
	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn				
	- Vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm				
	- Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng				
	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động				
	- Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá chương trình				
3	Chương trình Giáo dục - Đào tạo				
	- Tăng cường cơ sở VC các trường ĐH, CĐ				
4	Chương trình quốc gia AT, VSLĐ				
5	Chương trình quốc gia bảo vệ Trẻ em				
6	Chương trình QG về Bình đẳng giới				
7	Đề án tăng cường XKLD cho 62 huyện nghèo				
8	Đề án Phát triển nghề công tác xã hội				
9	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí				
10	Chương trình hành động phòng, chống mại dâm				
IV	Chi thực hiện chính sách Người có công				
1	Chi thường xuyên				
2	Chi 1 lần				
3	Điều chỉnh chính sách				

09533751

**ĐÁNH GIÁ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÀNH,
LĨNH VỰC NĂM 2012 VÀ DỰ TOÁN 2013**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán 2011	Năm 2012		Dự toán 2013
			Dự toán	Ước TH	
	TỔNG SỐ				
I	Chi NSNN				
1	Chi đầu tư XDCB				
a	NSTW				
b	NSDP				
2	Chi thường xuyên				
a	NSTW				
b	NSDP				
3	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				
a	Chương trình Giảm nghèo				
b	Chương trình Việc làm - Dạy nghề				
c	Chương trình quốc gia AT, VSLĐ				
d	Chương trình quốc gia bảo vệ Trẻ em				
e	Chương trình QG về Bình đẳng giới				
f	Đề án tăng cường XKLD cho 62 huyện nghèo				
g	Đề án Phát triển nghề công tác xã hội				
h	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí				
k	Chương trình hành động phòng, chống mại dâm				
II	Chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ				
	Trong đó: Cho ngành giao thông				
	Cho lĩnh vực thủy lợi				
	Cho ngành giáo dục				
	Cho ngành y tế				
III	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, đóng góp,...				
IV	Chi đầu tư của các cơ sở ngoài công lập				
V	Chi đầu tư khác				

00533751

**TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THEO NGHỊ ĐỊNH
SỐ 31/2012/NĐ-CP, 34/2012/NĐ-CP NĂM 2012**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/5/2012	Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 31/2012/NĐ-CP, 34/2012/NĐ-CP năm 2012	Nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2012 (bao gồm cả số chưa sử dụng năm 2011 chuyển sang năm 2012)			Số đề nghị bổ sung để thực hiện tiền lương tăng thêm (nếu có)	Nguồn để thực hiện tiền lương tăng thêm chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2013 (nếu có)		
				Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương		Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%) chưa sử dụng hết	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên chưa sử dụng hết
TỔNG SỐ										
1	Chi quốc phòng									
2	Chi an ninh									
3	Chi đặc biệt									
4	Chi SN giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
5	Chi sự nghiệp y tế									
6	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ									
7	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin									
8	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình									
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao									
10	Chi sự nghiệp kinh tế									
11	Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường									
12	Chi quản lý hành chính									

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013

Đơn vị: triệu đồng

Mục	NỘI DUNG	Ước Quyết toán năm 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
			Dự toán	Ước TH	
	A. PHẦN THU				
	I- Tổng số thu				
	1. Số dư năm trước chuyển sang				
	2. Số thu trong năm:				
	- Thu HTLĐ theo HĐ cũ (8%)				
	- Thu lệ phí cấp phép, phí quản lý				
	- Thu Thẩm định hồ sơ				
	- Lãi ngân hàng				
	- Chênh lệch tỷ giá				
	- Thu khác				
	II- Số thu nộp ngân sách nhà nước				
	- Nộp thuế hoạt động sự nghiệp				
	- Nộp khác				
	III- Số thu được để lại chi				
	1. Số dư năm trước chuyển sang				
	2. Số thu trong năm:				
	- Thu HTLĐ theo HĐ cũ				
	- Thu lệ phí cấp phép, phí quản lý				
	- Thu Thẩm định hồ sơ				
	- Lãi ngân hàng				
	- Chênh lệch tỷ giá				
	- Thu khác				
	B. PHẦN CHI				
1	Chi Đầu tư XDCB				
2	Chi sự nghiệp kinh tế				
	- Hỗ trợ xúc tiến thương mại				
	- Chi sự nghiệp đào tạo và đưa lao động đi HQ				
3	Chi quản lý hành chính (Trong nước)				
	Trong đó: Tiền lương				

00533751

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước Quyết toán năm 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
			Dự toán	Ước TH	
	A. PHẦN THU				
I	Tổng số thu				
1	Số dư năm trước chuyển sang				
2	Số thu trong năm:				
	- Thu Quỹ xuất khẩu lao động				
	- Lãi ngân hàng				
	- Thu khác				
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước				
	- Nộp thuế hoạt động sự nghiệp				
	- Nộp khác				
1	Số thu được để lại chi				
1	Số dư năm trước chuyển sang				
2	Số thu trong năm:				
	- Thu Quỹ xuất khẩu lao động				
	- Lãi ngân hàng				
	- Thu khác				
	B. PHẦN CHI				
1	Chi hoạt động thường xuyên				
	Chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động)				
2					
3	Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ				

09533751

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết toán năm 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
			Dự toán	Thực hiện	
	1	2	3	4	5
	A. TỔNG SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ				
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác				
1	Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước				
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
III	Số thu được để lại đơn vị sử dụng theo chế độ quy định				
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
IV	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp				
1	Dự toán chi thường xuyên (nếu có)				
2	Dự toán chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành				
3	Dự toán chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng				
4	Chương trình mục tiêu quốc gia				
5	Chi đầu tư phát triển				
6	Chi khác (nếu có)				

09533751

STT	Nội dung	Quyết toán năm 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
			Dự toán	Thực hiện	
	B - TỔNG SỐ CHI CỦA ĐƠN VỊ (III+IV) (1)				
1	Chi thường xuyên				
a	Chi cho người lao động				
b	Chi quản lý hành chính				
c	Chi hoạt động nghiệp vụ				
d	Chi tổ chức thu phí, lệ phí				
d	Chi sản xuất, cung ứng dịch vụ				
e	Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ				
g	Chi đảm bảo cải cách tiền lương				
h	Chi hoạt động thường xuyên khác				
2	Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành				
3	Chi thực hiện nhiệm vụ nhà nước đặt hàng				
4	Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia				
5	Chi thực hiện tinh giản biên chế				
6	Chi đầu tư phát triển				
7	Chi khác (nếu có)				

09533751

TỔNG DỰ TOÁN THU - CHI TỪ NGUỒN TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

Số	Tên nước, tổ chức quốc tế/dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng số vốn ký kết theo hiệp định				Đánh giá thực hiện năm 2012				Ước lự kế thực hiện đến 31/12/2012				Dự toán năm 2013				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				XDCB			HCSN (1)			XDCB			HCSN (1)			XDCB		HCSN (1)	
				Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
Cộng																			

Ghi chú:

(1) Chi tiết cho từng lĩnh vực cho NSNN: GD-ĐT, Khoa học công nghệ...

TỔNG DỰ TOÁN THU - CHI TỪ NGUỒN TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

Số	Tên nước, tổ chức quốc tế/dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng số vốn ký kết hoặc cam kết	Tổng số vốn chuyển cho Việt Nam sử dụng và vốn đối ứng cam kết								Đánh giá thực hiện năm 2012				Ước lự kế thực hiện đến 31/12/2012				Dự toán năm 2013			
				Trong đó				Trong đó				Trong đó				Trong đó							
				XDCB		HCSN (1)		XDCB		HCSN (1)		XDCB		HCSN (1)		XDCB		HCSN (1)		XDCB		HCSN (1)	
				Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
Cộng																							

Ghi chú:

(1) Chi tiết cho từng lĩnh vực cho NSNN: GD-ĐT, Khoa học công nghệ...

DỰ TOÁN CHI BẰNG NGOẠI TÊ 2013

STT	NỘI DUNG	ƯỚC QUYẾT TOÁN NĂM 2011		NĂM 2012				DỰ TOÁN NĂM 2013	
		VND (Tr.đồng)	USD	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN		VND (Tr.đồng)	USD
				VND (Tr.đồng)	USD	VND (Tr.đồng)	USD		
	TỔNG SỐ CHI								
	I. CHI ĐÓNG NIÊN LIÊM								
1	Niên liêm ILO								
2	Niên liêm tay nghề thế giới								
3	Niên liêm khác								
	II. CHI ĐOÀN RA								
1	Đoàn ra cơ quan Bộ								
2	Tham dự thi tay nghề thế giới								
3	Các đoàn ra của Cục QL LĐNN								
4	Đoàn ra khác								
	III. KINH PHÍ CÁC BAN QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC								
	Chi tiết theo Ban								

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

TÊN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, DỰ ÁN	Quyết toán năm 2011		Dự toán năm 2012		Ước thực hiện năm 2012		Dự toán năm 2013				
	Tổng số	Góm	Tổng số	Góm	Tổng số	Góm	Tổng số	Góm			
		Vốn ĐTPT		Vốn SN		Vốn ĐTPT		Vốn SN	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn ĐTPT
Tổng số											
1. Chương trình Giảm nghèo											
- Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo											
- Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK, xã an toàn khu, các thôn ĐBKK											
- Nhân rộng mô hình giảm nghèo											
- Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá											
2. Chương trình Việc làm - Dạy nghề											
- Đổi mới và phát triển dạy nghề											
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn											
- Vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm											
- Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng											
Hỗ trợ phát triển thị trường lao động											
- Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá chương trình											
3. Chương trình Giáo dục - Đào tạo											
- Tăng cường cơ sở VC các trường DH, CD											
4. Chương trình quốc gia AT, VSLD											
5. Chương trình quốc gia bảo vệ Trẻ em											
6. Chương trình QG về Bình đẳng giới											
7. Đề án tăng cường XKLD cho 62 huyện nghèo											
8. Đề án Phát triển nghề công tác xã hội											
9. Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí											
10. Chương trình hành động phòng, chống mại dâm											

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA NĂM 2013
(Phần Bộ LĐ-TBXH trực tiếp quản lý)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, DỰ ÁN	Quyết toán năm 2011			Dự toán năm 2012			Ước thực hiện năm 2012			Dự toán năm 2013		
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn ĐTPT	Vốn SN		Vốn ĐTPT	Vốn SN
	Tổng số												
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo												
	Chi tiết theo từng dự án, hoạt động												
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm - Dạy nghề												
	Chi tiết theo từng dự án, hoạt động												
3	Chương trình giáo dục đào tạo												
	Tăng cường CSVC các trường ĐH, CĐ và THCS												
4	Chương trình An toàn vệ sinh lao động												
	Chi tiết theo từng dự án, hoạt động												
5	Chương trình quốc gia BV trẻ em												
	Chi tiết theo từng dự án, hoạt động												
6	Chương trình quốc gia Bình đẳng giới												
	Chi tiết theo từng dự án, hoạt động												
7	Chương trình phòng chống ma túy												
8	Chương trình phòng chống tội phạm												
9	Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS												
10	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu												
11	Chương trình quốc gia ứng dụng CNTT												

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	QUYẾT TOÁN NĂM 2011	NĂM 2012		DỰ TOÁN NĂM 2013
				DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
	Tổng số	Triệu đồng				
	A. Chi hoạt động nghiệp vụ	Triệu đồng				
I	Hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu lao động					
II	Điều tra cơ bản					
IV	Chi tiết theo từng cuộc điều tra Đề án Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động					
V	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin					
VI	Đồng bộ chỉ tiêu thống kê					
	B. Chi hoạt động bộ máy quản lý					
1	Biên chế - Biên chế được duyệt - Số có mặt thực tế	Người				
2	Chi hoạt động a. Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp theo lương b. Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...) c. Chi các khoản chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù d. Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	Triệu đồng				

09533751

DỰ TOÁN CHI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2013

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Quyết toán năm 2011	Năm 2012		Dự toán Năm 2013
				Dự toán	Ước Thực hiện	
	Tổng số chi					
I	Biên chế					
1	<i>Biên chế được duyệt</i>	Người				
2	<i>Số có mặt thực tế</i>	Người				
	Biên chế	Người				
	Hợp đồng dài hạn	Người				
II	CT, đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ	Triệu đồng				
1	<i>Đề tài Khoa học cấp nhà nước:</i>	Triệu đồng				
2	<i>Đề tài Khoa học cấp Bộ</i>					
III	Chi hoạt động	Triệu đồng				
1	Quỹ lương, phụ cấp, đóng góp	-				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công					
	Các khoản đóng góp theo lương	-				
	Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...)	-				
2						
3	Mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	-				
	Tổng số thu	Triệu đồng				
1	Phí, lệ phí	-				
	Thu từ các dự án thử nghiệm (cấp Nhà nước, cấp Bộ...)					
2						
3	Thu khác	-				

09533751

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2013

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN NĂM 2011	NĂM 2012		DỰ TOÁN NĂM 2013
			Dự toán	Ước TH	
	Tổng số				
1	Công tác phổ biến, tuyên truyền bảo vệ môi trường				
2	Đề án bảo vệ môi trường trong tại các cơ sở CH-PHCN và điều dưỡng NCC				
3	Đề án bảo vệ môi trường tại các cơ sở bảo trợ xã hội				
4	Đề án bảo vệ môi trường tại các cơ sở giáo dục Lao động - Xã hội				
5	Khảo sát, điều tra, đánh giá tình hình môi trường; xây dựng văn bản QPPL về BVMT và thí điểm xử lý tại 1 số đơn vị				

09533751

DỰ TOÁN CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI TẬP 2013

STT	Nội dung	Đơn vị tính	ƯỚC QT NĂM 2011	NĂM 2012		DỰ TOÁN NĂM 2013
				DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
	TỔNG CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI					
I	HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TẬP TRUNG					
	<u>Tổng các khoản hi</u>	<i>Triệu đồng</i>				
1	Số đơn vị	Đơn vị				
2	Biên chế	Người				
3	Số có mặt thực tế	Người				
	Biên chế	Người				
	Hợp đồng dài hạn	Người				
4	Đối tượng	Người				
	- Thương binh, bệnh binh	-				
	- Con Thương binh, liệt sỹ	-				
	- Xã hội	-				
5	Giường điều trị	Triệu đồng				
	Số giường	Giường				
	Mức chi	Triệu đồng				
6	Sinh hoạt phí của đối tượng	Triệu đồng				
	- Thương binh, bệnh binh					
	- Con Thương binh, liệt sỹ					
	- Đối tượng xã hội					
	- Trợ cấp ưu đãi giáo dục con TB nặng					
7	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng	Triệu đồng				
	- Quà và ăn thêm ngày Lễ					
	- Các chế độ khác của TBB (DCCH, Trang cấp đặc biệt, Lộ phí thăm gd, Hỗ trợ TB về gd, sách báo CLB)					
8	Chi khác phục vụ đối tượng (Điện nước, xăng dầu, mua sắm TS, SC công trình phúc lợi,...)	Triệu đồng				
	Trong đó: - Điện nước, xăng dầu ...					
	- Mua sắm TSCĐ					
	- Sửa chữa lớn TSCĐ và công trình phúc lợi					
9	Phụ cấp trực y tế	Triệu đồng				
10	Chi thường xuyên theo định mức	Triệu đồng				
	a. Quỹ lương, phụ cấp					
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công					
	b. Các khoản đóng góp theo lương					
	c. Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí, sửa chữa TX...)					
11	Chi tiếp đối tượng	Triệu đồng				

09533751

Các khoản thu		Triệu đồng				
1	- Thu viện phí					
2	- Thu khác					
II	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI KHÁC	Triệu đồng				
1	Nhiệm vụ phòng chống mại dâm					
2	Nhiệm vụ chăm sóc TE					
3	Quản lý, chăm sóc người có công					
4	Thực hiện các đề án					
5	Phòng chống tội phạm buôn bán PN và trẻ em					
6	Người tàn tật					
7	Người cao tuổi					
8	Hoạt động xã hội khác					

CƠ SỞ TÍNH CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO NĂM 2013

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2011	Năm 2012		Dự kiến năm 2013
				Dự toán	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu biên chế, quỹ TL					
	Số trường	<i>Trường</i>				
	Số biên chế được duyệt:	<i>Biên chế</i>				
	Quỹ lương, phụ cấp	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong BC					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công					
	- Phụ cấp thâm niên					
II	TỔNG SỐ CHI	<i>Tr.đồng</i>				
1	Một số nhiệm vụ không thường xuyên	<i>Tr.đồng</i>				
	Cấp bù học phí sư phạm					
	Miễn giảm học phí theo ND 49					
	Thi tay nghề ASEAN					
	Thi tay nghề thế giới					
	Nhiệm vụ khác (chi tiết theo từng nhiệm vụ chi)					
	<i>Tổng số chi</i>					
2	Vốn đối ứng các dự án Dạy nghề	<i>Tr.đồng</i>				
	- Dự án Đức					
	- Dự án Hàn Quốc					
	- Dự án ... (Chi tiết đến từng dự án)					
	<i>Tổng số chi</i>					
3	Đại học quản lý					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	<i>Mức chi</i>	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
	<i>Tổng số chi</i>					
4	Đại học sư phạm kỹ thuật					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	<i>Mức chi</i>	<i>Tr.đồng</i>				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					

09533751

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2011	Năm 2012		Dự kiến năm 2013
				Dự toán	Thực hiện	
	- Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
5	Cao đẳng quản lý tập trung					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
6	Cao đẳng sư phạm kỹ thuật					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
7	Cao đẳng nghề					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
8	Đại học, Cao đẳng tại chức					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				
	Số học sinh có mặt bình quân	-				
	Mức chi	Tr.đồng				
	Trong đó: - Từ nguồn NSNN					
	- Từ nguồn thu được để lại					
	Tổng số chi	-				
9	Trung học quản lý					
	Số học sinh có mặt đầu năm	Người				
	Số ra trường trong năm	-				
	Số tuyển mới trong năm	-				

CƠ SỞ TÍNH CHI TÀI TRỢ CHO CÁC NHÀ XUẤT BẢN NĂM 2013

STT	TÊN XUẤT BẢN PHẨM ĐƯỢC TÀI TRỢ	Đơn vị tính	ƯỚC QUYẾT TOÁN 2011				NĂM 2012								DỰ TOÁN NĂM 2013				
			Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr.đồng)	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN				Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr.đồng)	
							Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr.đồng)	Số trang (Quy chuẩn)	Tổng giá thành (Tr.đồng)	Tổng doanh thu (Tr.đồng)	Số tiền được tài trợ (Tr.đồng)					
	Tổng cộng	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Ước QT năm 2011	Năm 2012		Dự kiến năm 2013
				Dự toán	Thực hiện	
	Số học sinh có mặt bình quân Mức chi <i>Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại</i> Tổng số chi	Tr.đồng	-			
10	Trung học kỹ thuật Số học sinh có mặt đầu năm Số ra trường trong năm Số tuyển mới trong năm Số học sinh có mặt bình quân Mức chi <i>Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại</i> Tổng số chi	Người - - Tr.đồng	- - - -			
11	Trung cấp nghề Số học sinh có mặt đầu năm Số ra trường trong năm Số tuyển mới trong năm Số học sinh có mặt bình quân Mức chi <i>Trong đó: - Từ nguồn NSNN - Từ nguồn thu được để lại</i> Tổng số chi	Người - - Tr.đồng	- - - -			
12	Bồi dưỡng đào tạo lại cán bộ Đào tạo trong nước Đào tạo Hội nhập Tổng số	Tr.đồng Tr.đồng -				
III	TỔNG SỐ THU - Học phí - Các khoản thu dịch vụ, liên danh, liên kết	Tr.đồng				

09533751

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2013

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Ước Quyết toán 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
				Dự toán	Thực hiện	
A	Chỉ tiêu Biên chế	Người				
I	Biên chế được duyệt	-				
2	Số cán bộ, công chức có mặt thực tế	-				
	Biên chế	-				
	Hợp đồng dài hạn	-				
	Hợp đồng ngắn hạn	-				
B	Tổng số chi					
I	Chi thường xuyên theo định mức:	Triệu đồng				
1	Quỹ lương, phụ cấp	-				
	Trong đó: - Lương cán bộ trong biên chế					
	- Lương cán bộ hợp đồng					
	- Tiền công					
2	Các khoản chi TX khác (DV công cộng, vật tư VP, TTTT, công tác phí...)	-				
II	Công việc c/môn đặc thù của ngành	Triệu đồng				
	- Tuyên truyền chăm sóc NCC, đối tượng XH					
	- Các văn bản pháp luật					
	- Chi về bảo hộ lao động					
	- Làm niên giám thống kê					
	- UB vì sự tiến bộ Phụ nữ					
	- Chi cho hoạt động nghiệp vụ dạy nghề					
	- Chi tiếp dân					
	- Chi công tác thi đua, tuyên truyền ngành					
	- Vốn đối ứng các dự án và Các khoản chi đặc thù khác					
III	Chi ngoài nước (Ban QLLĐ)					
	- Chi thường xuyên					
	- Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ					
IV	Hội nghị					
	- Hội nghị ngành và tập huấn nghiệp vụ					
	- Hội nghị, hội thảo Quốc tế luân phiên theo nghĩa vụ thành viên hoặc đăng cai					
V	Đoàn ra nước ngoài	Triệu đồng				
	1. Các đoàn ra theo nghĩa vụ nước thành viên					

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Ước Quyết toán 2011	Năm 2012		Dự toán năm 2013
				Dự toán	Thực hiện	
	2. Các đoàn ra hợp tác quốc tế theo lĩnh vực ngành (Chi tiết các đoàn ra...)					
VI	Chi đón tiếp các đoàn khách quốc tế	Triệu đồng				
VII	Đóng niên lễ	Triệu đồng				
	- Đóng niên lễ ILO					
	- Đóng niên lễ thi tay nghề thế giới					
	- Niên lễ các tổ chức quốc tế khác					
VIII	Mua sắm, sửa chữa	Triệu đồng				
1	Mua sắm,	-				
	- Mua ô tô	-				
	- Các tài sản cố định khác	-				
2	Sửa chữa lớn TSCĐ	-				
	(Chi tiết theo nội dung)					